

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/DSST

Ngày: 26/11/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ
pháp lý.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Cấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hiền

Ông Trần Văn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết -Thư ký Tòa án nhân dân quận T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Bá Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 53/2020/TLST – DSST ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22 /2021/QĐXXST – DS ngày 14 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021 ngày 30/7/2021; Thông báo mở lại phiên tòa ngày 21/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/ QĐST ngày 04/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị C, sinh năm 1956

Trú tại: Số 1, ngõ 326 đường Ng, phường Q, quận T, Thành phố H (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Luật TNHH T

Địa chỉ: Số 32, ngõ 72, phố A, quận T, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Đ – Giám đốc Công ty.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/06/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/10/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, bà Phan Thị C trình bày:

Ngày 18/5/2018, bà C có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 18 với Công ty Luật TNHH T, do ông Lê Quốc Đ là giám đốc. Nội dung của hợp đồng: Công việc Bên A (bà C) thuê bên B (Công ty Luật T): Đại diện cho bên A kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ông Nguyễn Hữu N đã lấn chiếm diện tích bếp ăn tập thể, phải chuyển công thoát nước sang phần đất

dôi dư là 28.9m², trả lại sàn cho bên A (bà C) và kiến nghị thu hồi bếp ăn tập thể trả lại cho các hộ sử dụng.

Để thực hiện nội dung này, bên B (Công ty luật T) có nghĩa vụ như sau: Soạn thảo tài liệu, công văn, các loại văn bản, giấy tờ cần thiết cho bên A (bà C) để tiến hành công việc theo hợp đồng; Cùng với bên A (bà C) hoặc thay mặt bên A (bà C) tiếp xúc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các vấn đề có liên quan nếu xét thấy cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật, bảo mật thông tin liên quan đến công việc đang thực hiện.

Nghĩa vụ của bên A (bà C) như sau: Cung cấp đúng, đầy đủ các thông tin, tài liệu có liên quan (có sao y bản chính, công chứng hoặc chứng thực) đến nội dung công việc mà bên B nhận thực hiện cho bên A theo quy định tại điều 1 của Hợp đồng này.

Thực hiện đúng và đầy đủ các ý kiến tư vấn, các hướng dẫn của bên B về các công việc cần làm, các thủ tục cần thiết liên quan đến công việc mà bên B nhận thực hiện cho bên A (bà C) theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này. Nếu thực hiện không đúng làm ảnh hưởng đến kết quả công việc thì bên A (bà C) phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Thực tiếp nộp các đơn từ, văn bản phục vụ nội dung công việc quy định tại Điều 1 của Hợp đồng.

Tạm ứng, thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản lệ phí, tiền thù lao luật sư theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

Tôn trọng, không chỉ đạo, can thiệp vào hoạt động nghiệp vụ của bên B và cam kết chỉ thuê duy nhất bên B cung cấp dịch vụ pháp lý cho vụ việc này.

Bên A (bà C) cam kết không hủy ngang, không đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Để thực hiện hợp đồng này, bà C đã nộp cho Công ty luật T ngày 18/5/2018 là 20.000.000 đồng. Ngày 01/6/2018, bà C nộp nốt 10.000.000 đồng bà đã ký vào hợp đồng dịch vụ pháp lý số 18 nói trên.

Về việc ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với công ty luật TNHH T là do bà hoàn toàn tự nguyện, nhưng bà chỉ đọc trang đầu, các trang sau bà không đọc vì bà tin ông Đ có quan hệ với ông Nguyễn Đức Chung – Chủ tịch UBND Thành phố H nên tự ký vào, việc ký kết không bị ai ép buộc.

Quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý: Công ty Luật T đã ra công văn số 32/2018 ngày 21/5/2018, nội dung kiến nghị giải quyết kiến nghị của bà Phan Thị C gửi qua bưu điện đến UBND Thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân phường Quảng An. Nhưng cố ý ghi sai địa chỉ của bà ngõ 326 thành 362 đường Nghi Tàm.

Ngày 13/6/2018, Ban tiếp công dân Thành phố H có công văn số 1367/PC – BTCD về việc chuyển đơn kiến nghị, phản ánh của bà Phan Thị C ở phường Q, quận T, nội dung: chuyển đến Chủ tịch UBND quận T, trong đó có ghi rõ địa chỉ của bà C là Phan Thị C, ở địa chỉ: Số 1, ngõ 326 đường Ng, tập thể khách sạn T, phường Q, quận T, Thành phố H. Tuy nhiên, UBND

quận T không trả lời, bà đã đốc thúc ông Đ, ông Đ đã có lập biên bản với bà, bà đã đề nghị ông Đ tiếp tục làm đơn kiến nghị.

Sau đó, ông Đ không làm đơn kiến nghị đến UBND quận T, mà tự bà làm đơn gửi đến UBND quận T. Vì vậy bà đã đề nghị ông Đ thanh lý hợp đồng trả lại cho bà số tiền 30.000.000đồng, ông Đ đã hứa trả bà tiền nhưng bà đã đến đòi ông Đ nhiều lần nhưng ông Đ không trả. Ông Đ có đến gặp bà đọc cho viết mấy dòng đơn dừng việc chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Hữu N, nhưng không viện dẫn luật xây dựng, nghị định về xây dựng để ngăn chặn việc xây dựng đó, vì thế các bên vẫn mua bán, xây dựng bình thường, đưa mái sang nhà bà.

Do Công ty luật T không viện dẫn luật đất đai năm 2013 (Điều 100, 101, 102); Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều 175, 176) và Bộ luật hình sự về lấn chiếm đất đai và kết quả trả lời trái pháp luật, không khách quan toàn diện, không trả lời đúng hoạch định liên kết về diện tích đất xâm chiếm cột mốc.

Nay bà C yêu cầu Công ty luật T phải trả cho bà số tiền trả theo hợp đồng dịch vụ pháp lý 30.000.000đồng. Trả tiền lãi là 9,1% / năm tính từ ngày 01/6/2018 tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Bồi thường số tiền thiệt hại do không thấy lại được 14m² đất giá là 35.000.000đồng x 30% giá mới.

***Đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TNHH T trình bày:**

Về thời gian ký kết, và nội dung hợp đồng như bà C trình bày là đúng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty luật T đã rất nhiều lần làm văn bản kiến nghị đến UBND Thành phố Hà Nội, UBND quận T, UBND phường Q.

Sau khi lập biên bản với bà C ngày 13/8/2018, Công ty Luật T đã tiếp tục kiến nghị đến UBND thành phố H yêu cầu UBND quận T trả lời.

UBND quận T, UBND phường Q đã có văn bản trả lời về kiến nghị của bà C, gửi trực tiếp cho bà C và gửi cho Công ty Luật T một bản. Bà C đã đến Công ty Luật T lấy bản gốc, ông Đ đã đưa cho bà C không lập văn bản giao nhận gì. Do đó, hiện nay ông Đ không còn lưu giữ các tài liệu này.

Về nội dung trả lời của UBND quận T và UBND phường Q trả lời bà C, gửi trực tiếp cho bà C nên Công ty luật không lưu giữ.

Bà C đã đến Công ty Luật TNHH T yêu cầu làm công văn dừng việc xây dựng của nhà hàng xóm, ông Đ từ chối thực hiện vì nội dung không nằm trong hợp đồng dịch vụ pháp lý. Chính vì lý do đó, bà C đã nảy sinh mâu thuẫn với Công ty Luật T và khởi kiện tại Tòa án.

Nay bà C làm đơn khởi kiện buộc Công ty Luật T phải trả lại số tiền ký hợp đồng dịch vụ pháp lý là 30.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 01/6/2018 đến khi xét xử sơ thẩm ông không đồng ý, vì lý do Công ty luật TNHH T đã thực hiện đúng, đủ nội dung trong hợp đồng pháp lý mà hai bên đã ký kết. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu trả lại số tiền 30.000.000đồng tiền gốc và lãi suất, phạt chậm trả là 45.000.000đồng; Bồi thường số tiền thiệt hại do không thấy lại được 14m²

đất giá là 35.000.000đồng tương đương 490.000.000đồng. Tổng số tiền là 565.000.000đồng.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên quan điểm, không có ý kiến bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tại phiên toà phát biểu quan điểm:

**Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án:*

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T, phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án. Các đương sự đều chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà C khởi kiện hợp đồng dịch vụ pháp lý số 18 đối với Công ty Luật TNHH T. Theo hợp đồng dịch vụ pháp lý số 18, Công ty Luật TNHH T đã hoàn thành nội dung công việc theo quy định tại Điều 1 của hợp đồng nên sau khi hai bên ký hợp đồng đã tự nguyện thỏa thuận thanh toán cho nhau phí thực hiện dịch vụ pháp lý gồm các khoản lệ phí Công ty là 30.000.000đồng để mời luật sư là đúng với quy định tại Điều 4 Hợp đồng dịch vụ pháp lý, phù hợp với Điều 401 Bộ luật dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà C buộc Công ty Luật TNHH T trả lại số tiền 30.000.000đồng và lãi suất theo quy định là không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bà C được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về Thẩm quyền: Công ty Luật TNHH T có đăng ký kinh doanh tại số 32, ngõ 72 tập thể khai thác Cát An Dương, phường Yên Phụ, quận T, Thành phố Hà Nội. Bà Phan Thị C có yêu cầu khởi kiện Công ty luật TNHH T tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý. Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005 thì yêu cầu khởi kiện của bà C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TNHH T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung: Theo lời khai của các đương sự đều xác nhận: Ngày 18/5/2018, hai bên đã ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 18 với nội dung: Bà C thuê Công ty Luật T, đại diện cho bà C kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ông Nguyễn Hữu Nghị đã lấn chiếm diện tích bếp ăn tập thể, phải

chuyển công thoát nước sang phần đất dôi dư là 28.9m², trả lại sàn cho bà C và kiến nghị thu hồi bếp ăn tập thể trả lại cho các hộ sử dụng.

Việc các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có sự bàn bạc, thỏa thuận và không có sự che giấu, lừa dối. Do đó, hợp đồng dịch vụ pháp lý số 18 ngày 18/5/2018 là hợp pháp, đúng pháp luật cả về hình thức và nội dung.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty luật TNHH T đã thực hiện nghĩa vụ soạn thảo công văn gửi các cấp có thẩm quyền, cụ thể: Công văn số 32 ngày 21/5/2018 về việc kiến nghị giải quyết kiến nghị của bà Phan Thị C, nội dung đảm nhận đại diện, bảo vệ quyền lợi cho bà Phan Thị C tại số 1 ngõ 362 đường Ng, phường Q, quận T, Thành phố H trong việc bà C có đơn kiến nghị ghi ngày 17/5/2018 gửi chủ tịch UBND Thành phố H đề nghị chỉ đạo di dời công thoát nước đi nơi khác, trả lại đất sân cho bà Phan Thị C. Ngày 13/6/2018, Ban tiếp dân Thành phố thuộc Văn phòng UBND Thành phố H đã có công văn về việc chuyển đơn kiến nghị, phản ánh của bà Phan Thị C ở địa chỉ số 1, ngõ 326 đường N, tập thể Khách sạn T, phường Q, quận T, Thành phố H. (Phúc đáp công văn số 32 ngày 21/05/2018 của Công ty Luật TNHH T). Ngày 04/6/2018, Công ty Luật TNHH T có công văn số 37 gửi Chủ tịch UBND phường Q, về việc kiến nghị đề nghị của bà Phan Thị C; Ngày 14/8/2018, Công ty luật TNHH T tiếp tục có công văn số 48/ 2018/ CV gửi Chủ tịch UBND Thành phố H ngày 14/8/2018, tiếp tục kiến nghị giải quyết kiến nghị của bà Phan Thị C; Các công văn của Công ty Luật TNHH T gửi các cơ quan đều có mã vận đơn của bưu điện, ghi rõ nội dung công văn cần gửi. Ngày 04/9/2018, UBND phường Q đã có công văn số 323/ UBND (ĐC, TP) giải quyết kiến nghị của bà Phan Thị C theo đề nghị của Công ty Luật TNHH T. Việc bà Trúc cho rằng công ty Luật TNHH T cố tình viết nhầm địa chỉ của bà từ 326 thành 362 Nghi Tàm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà là không có căn cứ, bởi lẽ các công văn trả lời của cơ quan có thẩm quyền đều xác định bà T ở tại số 1 ngõ 326 Nghi Tàm, nên lỗi chính tả trong việc đánh máy của Công ty Luật TNHH T không làm ảnh hưởng đến nội dung kiến nghị của bà C.

Theo hợp đồng dịch vụ pháp lý số 18, Công ty Luật TNHH T đã hoàn thành nội dung công việc theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng nên sau khi hai bên ký hợp đồng đã tự nguyện thỏa thuận thanh toán cho nhau phí thực hiện dịch vụ pháp lý gồm các khoản lệ phí Công ty là 30.000.000đồng để mời luật sư là đúng với quy định tại Điều 4 Hợp đồng dịch vụ pháp lý, phù hợp với Điều 401 Bộ luật dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà C buộc Công ty Luật TNHH T trả lại số tiền 30.000.000đồng và lãi suất theo quy định là không có căn cứ để chấp nhận.

Ngoài ra, trong nội dung hợp đồng không có điều khoản quy định gì về kết quả kiến nghị, với nội dung sau khi kiến nghị thì bà C phải được trả lại phần diện tích đất đang tranh chấp nên ý kiến của bà C cho rằng Công ty Luật TNHH T không vi phạm dẫn luật đất đai năm 2013, Bộ luật dân sự năm 2015, Bộ luật hình sự về đất đai, kết quả trả lời trái pháp luật, không khách quan, toàn diện, không trả lời đúng hoạch định liên kết về diện tích đất xâm chiếm cột mốc và yêu cầu Công ty luật TNHH T bồi thường thiệt hại do không lấy được 14m² với

35.000.000đồng/ m² = 490.000.000 đồng là không có cơ sở pháp lý nên không được chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện bổ sung, cũng như bản tự khai bà C cho rằng luật sư Lê Quốc Đ đa mang, phản bội thân chủ, trốn thuế, chống phá hiến pháp, luật pháp, Nghị Quyết, Nghị Định của Việt Nam thực hiện hợp đồng dịch vụ pháp lý “vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, trây ỉ, trốn tránh trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ, gây nguy hại cho xã hội”. Lợi dụng chức vụ quyền hạn, lợi dụng danh nghĩa cơ quan tổ chức, dùng thủ đoạn tinh vi xảo quyệt, gian dối chiếm đoạt 30.000.000đồng, gây hậu quả nghiêm trọng, làm hỏng việc kiện của bà C...không nằm trong phạm vi giải quyết vụ án nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Theo Điều 2- Luật người cao tuổi của Quốc Hội khóa XII, kỳ họp thứ 6 số 39/2009/QH 12 ngày 23 tháng 11 năm 2009 thì Phan Thị C thuộc trường hợp người cao tuổi. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 - Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Phan Thị C được miễn nộp tiền án phí nên số tiền tạm ứng án phí đã nộp được hoàn trả.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 385, 386, 398, 401 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 144, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 -Nghị Quyết số 326/ NQ – QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C đối với Công ty Luật TNHH T về việc: Yêu cầu trả lại số tiền 30.000.000đồng tiền gốc và lãi suất, phạt chậm trả là 45.000.000đồng; Bồi thường số tiền thiệt hại do không thấy lại được 14m² đất giá là 35.000.000đồng tương đương 490.000.000đồng. Tổng số tiền là 565.000.000đồng.

2. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự đối với bà Phan Thị C

3.Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND quận T;
- Chi cục THADS q.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đào Đức Cần